

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST

Ngày 27/9/2019

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Tân Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Ngọc Biên và bà Nguyễn Thị Tin.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 150/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1964 Tức Nguyễn Văn L, sinh năm 1965); (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Đỗ Thị Đ, sinh năm 1971; (Vắng mặt).

Nơi ĐKKH: Thôn X, xã P, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị Đ kết hôn với nhau năm 1991, trước khi kết hôn vợ chồng được tự nguyện tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Yên Dũng. Cưới xong vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh vào khoảng năm 2000, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, trong quan hệ ứng xử chị Đào không đúng mực, từ đó giữa hai bên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn được. Chị Đào đã tự ý bỏ vào Nam sinh sống làm ăn và không quay lại đoàn

tụ vợ chồng, anh chị ly thân từ tháng 9/2006 cho đến nay. Quá trình ly thân anh đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị Đào kiên quyết không quay lại chung sống cùng anh nữa. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị được ly hôn với chị Đỗ Thị Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Thị H1, sinh ngày 08/10/1991; Nguyễn Thị H2, sinh ngày 05/12/1992 và Nguyễn Thị H3, sinh ngày 23/12/1996. Hiện nay cả ba con chung đã trưởng thành nên không đặt thành yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Vợ chồng không có vướng mắc gì, do vậy anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là chị Đỗ Thị Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn L có đăng ký kết hôn năm 1991, trước khi cưới anh, chị có được tự nguyện tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Khoảng cuối năm 1992 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị sinh hai con gái, trong khi anh L thích con trai, bên cạnh đó vợ chồng còn cãi nhau về vấn đề kinh tế gia đình, anh L thường xuyên uống rượu xong về kiếm chuyện chửi đánh vợ con. Từ đó, cuộc sống vợ chồng lúc nào cũng căng thẳng, cãi vã gây chuyện. Đến năm 1996, khi chị sinh thêm con gái thứ ba thì mâu thuẫn giữa vợ chồng càng trầm trọng hơn, anh L thường xuyên rượu chè về đánh đập vợ, không lo làm ăn, không lo cho gia đình, cuộc sống vợ chồng quá căng thẳng và không hạnh phúc. Đến tháng 10/2006 chị vào huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai để kiếm việc làm lo cho con và vợ chồng ly thân từ đó. Thời gian này, vợ chồng đã nhiều lần dàn xếp đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh L xin ly hôn chị đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Thị H1, sinh ngày 08/10/1991; Nguyễn Thị H2, sinh ngày 05/12/1992 và Nguyễn Thị H3, sinh ngày 23/12/1996. Hiện nay cả ba con chung đã trưởng thành nên không đặt thành yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Vợ chồng không có vướng mắc gì, do vậy chị không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Đào có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến như trên, anh L giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật, nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn L được ly hôn chị Đỗ Thị Đ.

Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về áp dụng luật tố tụng: Đối với bị đơn là chị Đỗ Thị Đ đã có đơn đồng ý giải quyết việc ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đồng thời đã có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Đào theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L và chị Đỗ Thị Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Yên Dũng vào tháng 6 năm 1991. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị Đào là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. mâu thuẫn phát sinh từ khoảng năm 1996, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau và cũng một phần là do kinh tế khó khăn, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, việc ai người đó làm không quan tâm đến nhau, vợ chồng đã ly thân từ năm 2006 đến nay không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn L và chị Đỗ Thị Đ không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng cũng không thể có hạnh phúc. Xét yêu cầu của anh L là phù hợp với thực tế cuộc sống chung của vợ chồng, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Do vậy, cần xử cho anh L được ly hôn với chị Đào là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Thị H1, sinh ngày 08/10/1991; Nguyễn Thị H2, sinh ngày 05/12/1992 và Nguyễn Thị H3, sinh ngày 23/12/1996. Hiện nay cả ba con chung đã trưởng thành nên không đặt thành yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn L được ly hôn chị Đỗ Thị Đ.

Về con chung: Không giải quyết.

Về tài sản, công nợ và ruộng đất: Không giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2016/0002862 ngày 05/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận anh L đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã P, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Tân Thịnh